

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-04-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nhường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Ngọc Côn.

2. Bà Nguyễn Thị Công Mừng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 320/2021/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 03 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1967. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Ông **Đinh Văn T**, sinh năm 1948. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án ngày 27/12/2021 và tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai và những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bị đơn ông Đinh Văn T trình bày thì nội dung vụ án như sau:

Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T kết hôn với nhau vào tháng 9 năm 2020. Trước khi kết hôn hai bên có được tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hai bên có làm tổ chức lễ cưới để ra mặt hai bên họ hàng. Sau đó bà L ông T về chung sống cùng nhau ngay và ở tại gia đình ông T tại thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Về mâu thuẫn vợ chồng bà L cho rằng chỉ chung sống được một thời gian hạnh phúc thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà và ông T không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, không bao ban được nhau về việc làm ăn kinh tế. Ông T có lần còn đuổi bà ra khỏi nhà dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Từ tháng 7/2021 đến nay bà về quê ở thôn Đ, xã V, huyện L, tỉnh Bắc Giang sinh sống, trong thời gian sống ly thân không ai quan tâm tới ai. Ông T cũng xác nhận có lần bà L nói không phải với ông thì ông có lần đuổi bà L về quê bà L. Ông T cho rằng cuộc sống với bà L thời gian đầu thì sống hạnh phúc nhưng chung sống được một thời gian ngắn ông và bà L không thống nhất được việc làm ăn cũng như về vấn đề kinh tế, nên trong thời gian chung sống chỉ vì vấn đề kinh tế bà L đã bỏ ông về nhà bà L đến ba lần. Nay bà L xác định tình cảm với ông T không còn bà làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Ông T xác định ông và bà L có mâu thuẫn nhưng chưa nghiêm trọng ông thấy tình cảm vợ chồng với bà L vẫn còn, ông vẫn muốn bà L suy nghĩ lại để về đoàn tụ nên ông chưa đồng ý ly hôn với bà L. Nếu bà L kiên quyết ly hôn ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T không có con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Đinh Văn T. Ông Đinh Văn T vắng mặt tại phiên tòa Hội đồng xét xử công bố lời khai của ông Đinh Văn T có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ

pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L. Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đinh Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T chưa có con chung.

- Về tài sản, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, con chung với ông Đinh Văn T. Ông T có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại thôn A, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T tự nguyện tìm hiểu và đăng kết hôn với nhau vào ngày 03 tháng 09 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân với nhau một thời gian đến nay không ai còn quan tâm tới ai, không liên lạc gì với nhau. Nay, bà L làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông

T, ông T xác định cuộc sống giữa ông với bà L có mâu thuẫn về vấn đề kinh tế nhưng không nghiêm trọng nay ông có nguyện vọng về đoàn tụ, nếu bà L kiên quyết xin ly hôn với ông thì ông đề nghị giải quyết theo luật định. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông T có mâu thuẫn, đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tại phiên tòa hôm nay bà L không muốn về đoàn tụ cùng với ông T và kiên quyết đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông T như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Đinh Văn T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, công nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo như ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Đinh Văn T.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận bà L đã nộp số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo Biên lai thu số: 0010545 ngày 27/12/2021.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã M, huyện L,
tỉnh Bắc Giang.
(Số 30/2020).
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

Đã ký

Nguyễn Đức Nhường